TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 316/2019/DS-PT
Ngày: 24/9/2019
V/v: Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh M – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Bình Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 16/5, 12/6, 26/7, và 24/9/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp dân sự về ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 64/2018/DS – ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 125/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:
1/. Nguyễn Thị B - sinh năm 1939;
Địa chỉ: a ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Bo: anh Nguyễn Văn Chân.
2/. Nguyễn Văn C - sinh năm 1974;
Địa chỉ: aa ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.
3/. Nguyễn Văn M - sinh năm 1954;
Địa chỉ: aa ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.
4/. Nguyễn Kim L - sinh năm 1980;
Địa chỉ: a ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.
5/. Nguyễn Văn C - sinh năm 1968;
Địa chỉ: A ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.
6/. Nguyễn Thị Kim B - sinh năm 1967,
7/. Nguyễn Kim L - sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: a ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

8/. Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1972;

Địa chỉ: a ấp b, xã Tân Thành, huyện Lai Vung- Đồng Tháp.

9/. Nguyễn Thị Kim T - sinh năm 1972;

Địa chỉ: a ấp a, xã Tân Thành, huyện Lai Vung - Đồng Tháp.

10/. Nguyễn Văn H- sinh năm 1962;

Địa chỉ: C ấp a, xã Định Yên, huyện Lấp Vò - Đồng Tháp.

Chị L, anh C, chị B, chị L, anh Đ, chị T, anh H cùng ủy quyền cho Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Văn M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Hoàng Đức – Công ty Luật hợp danh Anh Em luật sư – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Trương Thị Thanh M - sinh năm 1959;

Địa chỉ: A ấp B, xã Long H, H. Lai Vung - Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Trương Thị Thanh M là: Nguyễn Ngọc Ẩ - Sinh năm 1956; Địa chỉ: A ấp B, xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (theo văn bản ủy quyền ngày 23/3/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1/. Trương Thị Huỳnh M - sinh năm 1956;

Người đại diện theo ủy quyền của Trương Thị Huỳnh M là Trương Thị Tuyết M – sinh năm 1947;

2/. Hồ Trung H - sinh năm 1949,

3/. Huỳnh Thị Trúc H - sinh ngày 21/9/2000;

Người đại diện theo ủy quyền của Hồ Trung Hải, Huỳnh Thị Trúc Hà là: Trương Thị Thanh M - sinh năm 1959;

Cùng địa chỉ: A ấp B, xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo là bà Trương Thị Thanh M, bà Trương Thị Huỳnh M, ông Hồ Trung H là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của vụ án.

4. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 27/12/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông Nguyễn Văn H (chết ngày 21/02/2012) là chồng của bà Nguyễn Thị B và là cha của Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T có để lại thửa 1646, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299), tương ứng là thửa 31, tờ bản đồ số 48 (bản đồ địa chính chính quy) do hộ ông Nguyễn Văn H đứng tên quyền sử dụng đất, giáp ranh với thửa 33, tờ bản đồ số 48 (bản

đồ địa chính chính quy) do bà Trương Thị Thanh M đứng tên người sử dụng đất, cùng mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ hai thửa đất tại: xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Trong quá trình sử dụng, bà Trương Thị Thanh M lấn ranh chiếm đất của các thừa kế của Nguyễn Văn H.

Do đó, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T yêu cầu hộ bà Trương Thị Thanh M di dời trụ đá, hàng rào lưới B40, cam xoàn để trả lại cho các thừa kế của Nguyễn Văn H phần đất lấn chiếm 233,8 m^2 đất (Trong phạm vi các mốc M7, M4, M5, M15, M14, M13, M12, M6 về mốc M7 theo Sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 88 - 2018 đo vẽ ngày 24/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) thuộc một phần thửa 1646, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299), tương ứng là thửa 31, tờ bản đồ số 48 (bản đồ địa chính chính quy), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại: xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Văn H đứng tên người sử dụng đất.

Trong văn bản ghi ý kiến ngày 15/3/2017; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Thị Thanh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Trung Hải, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc Hà trình bày: Hộ bà Trương Thị Thanh M không có lấn ranh chiếm đất của Nguyễn Văn H (đã chết). Do đó hộ bà Trương Thị Thanh M không đồng ý với yêu cầu của các thừa kế của Nguyễn Văn H là Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST, ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung đã tuyên xử:

1. Buộc hộ bà Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H di dời trụ đá, lưới B40 và cam xoàn trong 233,8 m^2 (hai trăm ba mươi ba phết tám mét vuông) đất để trả lại cho Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T 233,8 m^2 (hai trăm ba mươi ba phết tám mét vuông) đất (Trong phạm vi các mốc M7, M4, M5, M15, M14, M13, M12, M6 về mốc M7 theo Sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 88 - 2018 đo vẽ ngày 24/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp) thuộc một phần thửa 1646, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299), tương ứng là thửa 31, tờ bản đồ số 48 (bản đồ địa chính chính quy), mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại: xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp do Nguyễn Văn H đứng tên người sử dụng đất.

2. Ranh giới giữa thửa 1646, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299), tương ứng là thửa 31, tờ bản đồ số 48 (bản đồ địa chính chính quy) do ông Nguyễn Văn H đứng tên người sử dụng đất với thửa 33, tờ bản đồ số 48 (bản đồ địa chính chính quy) do bà Trương Thị Thanh M đứng tên người sử dụng đất, cùng mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn, địa chỉ hai thửa đất tại: xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là đường nối liền từ mốc M7 đến M4.

3. Ranh giới đã được xác định như trên, thì người được quyền sử dụng đất được quyền sử dụng không gian và lòng đất theo chiều thẳng đứng từ ranh giới thửa đất phù hợp với quy định của pháp luật và không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác, nếu cây trồng hoặc vật kiến trúc của người này nằm trên phần đất của người kia thì phải tháo dở, di dời.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký, điều chỉnh quyền sử dụng đất theo quy định, có Sơ đồ mảnh trích đo địa chính số: 88 - 2018 đo vẽ ngày 24/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp kèm theo bản án này.

5. Án phí, tạm ứng án phí và chi phí, tạm ứng chi phí:

5.1. Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Thị Trúc H phải liên đới chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H chưa nộp).

5.2. Hoàn trả lại cho Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T 2.452.500 đồng (hai triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo hai biên lai số: 09709, ngày 17/02/2017 và số: 0001202, ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

5.3. Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H phải liên đới chịu 500.000 đồng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng (Bà M đã nộp và chi xong).

5.4. Buộc Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H liên đới hoàn trả cho Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T 6.898.000 đồng (sáu triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng) chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/12/2018, bà Trương Thị Thanh M, ông Hồ Trung H và bà Trương Thị Huỳnh M, kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và yêu cầu được miễn án phí sơ thẩm theo qui định tại điểm Đ, khoản 1, Điều 12 NQ 326/2016/UBTUQH14, ngày 30/12/2016; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, đánh giá mức độ lở đất do dòng chảy của sông, rạch cũng như việc mất đất do nới rộng đường đal nông thôn.

Ngày 27/12/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS theo hướng sửa bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc, bà Trương Thị Thanh M, ông Hồ Trung Hải, bà Trương Thị Huỳnh M vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Đại diện viện

kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến vẫn nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của bà Trương Thị Thanh M, ông Hồ Trung H và bà Trương Thị Huỳnh M, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc đất của hai bên đương sự đều là do ông bà cha mẹ của hai bên để lại, trong đó đất phía nguyên đơn thì do ông H (đã chết) là cha của anh Chân kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu năm 1994 và hiện nay đất vẫn còn do ông H đứng tên quyền sử dụng, thuộc thửa 1646, nay theo hệ thống lưới tọa độ thì gồm 02 thửa là 31 và 32, chưa được cấp đổi lại do còn đang tranh chấp với bị đơn. Đất bên phía bị đơn là của cha mẹ bị đơn là của bà Hằng để lại cho bị đơn; trước đây bà Hằng kê khai đứng tên lần đầu năm 1994, gồm thửa 1661 và 1647, năm 2017 đổi thành thửa 33, sau khi bà Hằng chết thì bà M kê khai thừa kế và được cấp quyền sử dụng đất như hiện nay. Khi hai bên kê khai và cấp quyền sử dụng đất thì đều không có đo đạc và ký giáp ranh với nhau. Phía nguyên đơn cho rằng, trong quá trình sử dụng đất, thì phía bị đơn có lấn chiếm, xây hàng rào lưới B40 và trồng một số cây ăn trái nên phát sinh tranh chấp, đồng thời yêu cầu xác định ranh đất là từ mốc M4 đến mốc M7 theo sơ đồ đo đạc ngày 24/10/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

Xét thấy, phần đất của hai bên đương sự thì từ trước đến nay giữa hai bên chưa từng có thỏa thuận, thống nhất với nhau về ranh giới hay có ký tên giáp ranh với nhau trong các thủ tục kê khai, cấp, cấp đổi, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên; trong khi đối với lời trình bày của bà M cũng như chứng cứ mà bà M cung cấp là Tờ hợp đồng phân chia ranh đất lập ngày 23/8/1975, nhưng nội dung văn bản này cũng chỉ xác định chiều ngang phía trước và phía sau đất của phía bị đơn (lúc đó là bà Hằng) chứ không có ghi nhận chiều ngang phía trước và phía sau đất của phía nguyên đơn (lúc đó là ông H) hoặc về ranh giới giữa đất giữa hai bên là như thế nào, nên văn bản này là không có giá trị chứng minh, Công văn số 1833/STNMT- VPĐKĐĐ ngày 17/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường, ý kiến: Khi đo đạc ranh đất của ông H có lập biên bản và ranh đất được thể hiện trong biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 31 có chữ ký của ông H (Bút lục số 74). Nhận thấy, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất số 31 lập ngày 18/10 (biên bản thể hiện năm 2007) đã vẽ sẵn hình thể thửa đất, có chữ ký của ông H. Tuy nhiên, ngày 02/11/2007 mới tiến hành đo đạc và đo theo hình vẽ đã vẽ sẵn trong biên bản ngày 18/10 là không phù hợp thực tế, nên ông H không thống

nhất với biên bản nói trên (Bút lục số 74) và đã khiếu nại, tranh chấp kéo dài. Như vậy đã cho thấy hồ sơ kỹ thuật và biên bản xác định ranh giới, mốc giới hai thửa đất tranh chấp là thửa 33 và thửa 31 [một phần thửa 1646, tờ bản đồ số 1 (bản đồ 299)], cùng tờ bản đồ số 48 thì tại thời điểm đo đạc thì lại không có các chủ sử dụng đất tiếp giáp ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận với nhau nhưng cơ quan chuyên môn vẫn tiến hành đo đạc và thể hiện ranh giới giữa đất của hộ bà Liêng Thị H (phía bị đơn) với đất của hộ ông Nguyễn Văn H (phía nguyên đơn) là các đoạn gấp khúc và lập thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Liêng Thị H và bà Trương Thị Thanh M, còn hộ ông Nguyễn Văn H sau đó đã không đồng ý nên đã không làm thủ tục cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay, nên các biên bản xác định ranh giới và trích lục bản đồ kèm theo thủ tục đó - có thể hiện ranh đất giữa hai bên là các đường gấp khúc là không có giá trị pháp lý.

Về hiện trạng, xét thấy phần diện tích tranh chấp có một số cây ăn trái do bà M trồng nhưng cũng đều là cây mới trồng trong thời gian phía ông H đã khiếu nại, tranh chấp; còn đối với hàng rào lưới B40 của bà M thì cũng không phải là hàng rào kiên cố, chỉ là một đoạn trên tổng chiều dài ranh tranh chấp, đồng thời phía nguyên đơn cũng không thừa nhận đây là hàng rào ranh giữa hai bên; phía bà M cũng không chứng minh được hàng rào này được bà xây dựng từ khi nào, đã ổn định lâu dài hay chưa; trong khi trên diện tích tranh chấp thì hiện trạng có con mương nước mà mí con mương gần giáp đường ranh giới theo xác định của phía nguyên đơn chạy dài ra đến phần đất phía sau của bà Nguyễn Kim Dung, mà phía nguyên đơn cho rằng do gia đình nguyên đơn đào để dẫn nước tưới tiêu (trong quá trình tranh chấp thì bà M lấp đầu ngoài giáp lộ đan) và lý do con mương còn cách ranh một khoản là do gia đình nguyên đơn chừa ranh; ngoài ra, căn cứ vào vị trí mốc M7 thì chiều ngang phần đất của phía nguyên đơn vẫn còn thiếu hơn nhiều so với chiều ngang theo hồ sơ kỹ thuật (16,96m so với 21,7m) mà phía bị đơn thống nhất và dùng làm căn cứ cho yêu cầu của mình; còn phía bà M thì trình bày là không biết con mương nói trên do ai đào, qua đó cũng chứng tỏ con mương này, tức diện tích đất tranh chấp thuộc trên phần đất của phía gia đình nguyên đơn.

Ngoài ra, theo xác định ranh của phía nguyên đơn, là từ mốc M4 đến mốc M7 là một đoạn thẳng, là phù hợp với trích lục bản đồ ngày 03/4/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung - thể hiện ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên là đoạn thẳng và trong đó tại mốc M4 cũng phù hợp với vị trí ranh giới chung giữa 03 phần đất của nguyên đơn, bị đơn và người thứ ba là bà Nguyễn Kim D, đồng thời bà D cũng xác định vị trí mốc M4 này là ranh giới giữa các bên từ trước đến nay (Biên bản ghi lời khai bà D ngày 30/8/2019).

Hơn nữa, về diện tích đất, nếu không tính diện tích đất tranh chấp mà chỉ tính riêng thửa đất có tranh chấp ranh thì đất bên nguyên đơn thiếu 717,8m^2; nếu kể cả thửa 32 thì vẫn còn thiếu 418,6m^2, còn đất phía bà M thì thiếu chỉ 286,9m^2.

Do đó, yêu cầu xác định ranh của phía nguyên đơn là từ mốc M4 đến mốc M7 là phù hợp và có cơ sở. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên đối với phần cây trồng và hàng rào của bà M trên diện tích đất tranh chấp thì xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, phía nguyên đơn đồng ý trả giá trị đối với các cây trồng cho phía bị đơn, còn đối với hàng rào lưới B40 thì yêu cầu phải di dời, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến này là phù hợp pháp luật và đảm bảo quyền lợi của bị đơn, còn đối với bị đơn ý kiến trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn thì phía bị đơn cũng đồng ý nhận giá trị và di dời hàng rào. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này là do sự tự nguyện của các đương sự.

[2] Xét trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng tờ phân chia ranh đất là không phù hợp, đối với hàng rào thì trước đây không có, sơ đồ trích đo kỹ thuật là đường thẳng, không phải đường gấp khúc. Do đó hồ sơ kỹ thuật là không có cơ sở pháp lý để xem xét. Ngoài ra diện tích đất mà nguyên đơn sử dụng vẫn còn thiếu. Tại biên bản ghi lời khai của bà D cũng trình bày giữa đất bà với bà M là đường thẳng và đồng thời xác định điểm M4 là vị trí giáp ranh giữa ba người. Tại phiên Tòa các nguyên đơn cũng đồng ý trả giá trị cây trồng cho phía bị đơn xét thấy là cũng phù hợp. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn. Xét lời đề nghị trên của luật sư là phù hợp với nhận định nêu trên, nên chấp nhận.

[3] Xét thấy, tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kháng nghị gì về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, đề xuất hướng giải quyết là sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định ranh đất theo hiện trạng sử dụng đất của bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng nghị cũng như đề nghị trên của Viện kiểm sát là không có cơ sở, nên không chấp nhận.

[4] Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên bà Trương Thị Huỳnh M, bà Trương Thị Thanh M, ông Hồ Trung H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 175 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Thanh M, ông Hồ Trung H, bà Trương Thị Huỳnh M.

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 64/2018/DS-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T.

- Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T - thuộc thửa 1646, tờ bản đồ số 1 của bản đồ 299, tương ứng là thửa 31, tờ bản đồ số 48 của bản đồ chính quy [đất còn do ông Nguyễn Văn H (đã chết) đứng tên người sử dụng đất] với đất của bà Trương Thị Thanh M, thuộc thửa 33, tờ bản đồ số 48 (bản đồ chính quy); đất tại xã Long H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối từ mốc M7 đến mốc M4. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật (kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2018; Sơ đồ đo đạc ngày 24/10/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lai Vung).

- Các đương sự được quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại quyền sử dụng đất và đăng ký QSDĐ đất theo quy định của pháp luật.

- Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T liên đới trả giá trị cây trồng trên đất (gồm 29 cây Cam Xoàn) cho bà Trương Thị Thanh M và ông Hồ Trung H là 4.060.000 đồng và được sở hữu các cây trồng nói trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá:

+ Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

+ Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về việc trả giá trị cây trồng cho bị đơn nhưng được khấu trừ vào 2.452.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai số 09709, ngày 17/02/2017 và số 0001202, ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, nên được nhận lại 2.152.500 đồng.

+ Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H phải liên đới chịu 500.000 đồng chi phí thẩm định, định giá (Trương Thị Thanh M đã nộp và đã chi xong).

+ Buộc Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M, Huỳnh Thị Trúc H liên đới hoàn trả cho Nguyễn Thị B, Nguyễn Văn C, Nguyễn Kim L, Nguyễn Thị Kim B, Nguyễn Kim L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Thị Kim T 6.898.000 đồng chi phí thẩm định, định giá.

- Về án phí phúc thẩm: Trương Thị Thanh M, Hồ Trung H, Trương Thị Huỳnh M mỗi người được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0002630, 0002629, 0002631 cùng ngày 26/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
-Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự
- Lưu: VT, HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy